**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TIẾNG VIỆT(LỚP 1C)**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**BÀI 127: oang oac**

**Tiết 284**

**Ngày dạy: 26/02/2025**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết vần **oang**, vần **oac**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oang, oac**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oang**, vần **oac**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Thỏ trắng và quạ khoang**.

- Viết đúng các vần **oang, oac**, các tiếng **khoang** (tàu), (áo) **khoác** cỡ vừa (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1/ GV: sgv, tranh minh họa.

2/ HS: sgk, bảng con, vở.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của học sinh** | **HĐBT** |
| **Tiết 1** | |  |
| **1. Hoạt động mở đầu:**  **a/ Khởi động:**  - Ổn định lớp.  - Cho HS hát.  **b/ Giới thiệu bài.**  Giới thiệu nội dung học.  **2/ Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá.**  ***\* Dạy vần oang***  - GV viết: **o, a, ng**. HS: **o - a - ngờ - oang.**  - HS nói: khoang tàu. Tiếng **khoang** có vần **oang**. Phân tích vần **oang**: âm **o** đứng trước, **a** đứng giữa, **ng** đứng cuối. / Đánh vần, đọc trơn: o - a - ngờ - oang / khờ - oang - khoang/ khoang tàu.  ***\* Dạy vần oac*** (như vần **oang**)  \* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần, từ khoá: **oang, khoang tàu; oac, áo khoác**.  **Hoạt động 3: Luyện tập**  ***\* Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **oang**? Tiếng nào có vần **oac**?)  - Vài HS cùng đánh vần, cả lớp đọc trơn từng từ ngữ: **nứt toác, xoạc chân**,...  - HS tìm tiếng có vần oang, vần oac; mời 1 nhóm 3 – 4 HS chơi trò chơi truyền điện. VD với tốp có 4 HS (Hà, Lê, Sơn, Nam):  + HS 1 (Hà) chỉ HS 2 (Lê) nêu YC: Bạn Lê nói tiếng có vần **oang**.  + HS 2 (Lê) đáp: quạ khoang. Tiếng **khoang** có vần **oang**.  + Sau đó HS 2 (Lê) chỉ HS 3 (Sơn), nêu YC: Bạn Sơn nói tiếng có vần **oac**.  + HS 3 (Sơn) đáp: xoạc chân. Tiếng **xoạc** có vần **oac**.  + HS 3 (Sơn) chỉ HS 1 (Hà): Bạn Hà nói tiếng có vần **oac**.  + HS 1 (Hà): nứt toác. Tiếng **toác** có vần **oac**.  + HS 1 (Hà) chỉ HS 4 (Nam): Bạn Nam nói tiếng có vần **oang**.  + HS 4 (Nam): áo choàng. Tiếng **choàng** có vần **oang.**  v.v.  (Nếu HS nói tiếng có vần **oang, oac** ở ngoài bài cũng không sao).  - GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng toác có vần oac. Tiếng khoang có vần oang,...  ***\* Tập viết*** (bảng con - BT 4).  a) HS đọc các vần, tiếng: **oang, oac**, khoang tàu, áo khoác.  b) Viết vần: **oang, oac**  - 1 HS đọc vần **oang**, nói cách viết.  - GV viết vần **oang**, hướng dẫn cách nối nét giữa **o** và **a**, giữa **n** và **g**./ Làm tương tự với vần oac.  - HS viết**: oang, oac** (2 lần).  c) Viết: **khoang** (tàu), (áo) **khoác**  - GV viết tiếng khoang, hướng dẫn cách lia bút khi kết thúc kh để viết tiếp oang./ Làm tương tự với khoác, dấu sắc đặt trên a.  - HS viết: khoang (tàu), (áo) khoác (2 lần). | **-** HS thực hiện.  - HS nghe.  - HS quan sát, đọc.  - HS phân tích, đánh vần, đọc trơn.  - HS thực hiện.  - HS đọc.  - HS làm bài.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS đọc, trả lời.  - HS quan sát.  - HS viết.  - HS theo dõi.  - HS viết. | HS chậm |
| **Củng cố dặn dò**  **-** Chuẩn bị bài sau  - Nhận xét tiết học. | HS nghe. |  |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**